

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

## PL 02 - DANH SÁCH SINH VIÊN CÒN NỢ HỌC PHÍ THEO KỲ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT

(Kèm theo thông báo số /ĐHKT-KHTC ngày / /2021)

| STT                 | Mã sinh viên | Họ tên               | Ngày sinh  | Lớp                              | Tổng học phí | Số nợ    | Ghi chú |
|---------------------|--------------|----------------------|------------|----------------------------------|--------------|----------|---------|
| <b>Khoa kế toán</b> |              |                      |            |                                  |              |          |         |
| 87                  | 18050993     | Hoàng Ngọc Anh       | 10/29/2000 | QH-2018-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 22480000     | 22480000 |         |
| 88                  | 18050995     | Lê Thị Minh Anh      | 05/29/2000 | QH-2018-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 89                  | 18051000     | Nguyễn Thị Ngọc Anh  | 09/30/2000 | QH-2018-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 90                  | 18051002     | Phạm Mai Anh         | 08/31/1999 | QH-2018-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 91                  | 18051014     | Trịnh Kim Chi        | 12/29/2000 | QH-2018-E KETOAN - CLC 3 (TT 23) | 18625000     | 18625000 |         |
| 92                  | 18051020     | Phạm Thùy Dung       | 02/13/2000 | QH-2018-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 93                  | 18051032     | Bùi Thị Thu Hà       | 08/22/2000 | QH-2018-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 94                  | 18051069     | Trần Diệu Linh       | 02/06/2000 | QH-2018-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 22640000     | 17500000 |         |
| 95                  | 18051072     | Lưu Hà Ly            | 01/13/2000 | QH-2018-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 96                  | 18051103     | Trịnh Việt Thành     | 12/04/1998 | QH-2018-E KETOAN - CLC 3 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 97                  | 18051109     | Nguyễn Thị Minh Thu  | 12/13/2000 | QH-2018-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 98                  | 18051114     | Hà Thủy Tiên         | 11/16/2000 | QH-2018-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 138                 | 19050822     | Nguyễn Mai Anh       | 06/30/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 139                 | 19050828     | Trần Phương Anh      | 07/30/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 19000000     | 19000000 |         |
| 140                 | 19050842     | Nguyễn Anh Đức       | 08/17/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 141                 | 19050845     | Tăng Thị Thùy Dung   | 09/27/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 142                 | 19050848     | Từ Hữu Duy           | 03/27/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 143                 | 19050850     | Đinh Thị Cẩm Giang   | 08/07/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 144                 | 19050862     | Phạm Thị Hạnh        | 10/09/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 145                 | 19050866     | Nguyễn Thị Thúy Hiền | 09/04/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 146                 | 19050867     | Nguyễn Thu Hiền      | 07/17/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 147                 | 19050875     | Dương Thu Hương      | 06/23/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 148                 | 19050889     | Trần Thị Lành        | 01/09/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 149                 | 19050891     | Đào Ngọc Khánh Linh  | 10/10/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 3 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 150                 | 19050892     | Đinh Khánh Linh      | 06/03/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 151                 | 19050902     | Phùng Thị Ngọc Linh  | 09/26/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 152                 | 19050916     | Nguyễn Thị Lê Na     | 11/01/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 3 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |
| 153                 | 19050917     | Nguyễn Thúy Ngân     | 09/15/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000     | 17500000 |         |

|                     |          |                       |            |                                  |          |          |  |
|---------------------|----------|-----------------------|------------|----------------------------------|----------|----------|--|
| 154                 | 19050927 | Phạm Minh Nguyệt      | 04/09/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 155                 | 19050934 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 09/02/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 156                 | 19050939 | Phùng Thanh Phong     | 02/25/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 157                 | 19050943 | Hoàng Thị Phương      | 09/03/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 158                 | 19050944 | Nguyễn Thị Thu Phương | 10/13/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 159                 | 19050946 | Lê Thị Phương         | 03/01/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 160                 | 19050959 | Nguyễn Thị Thảo       | 10/07/2000 | QH-2019-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 161                 | 19050982 | Trần Lê Cẩm Tú        | 09/16/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 18250000 | 18250000 |  |
| 162                 | 19050983 | Trần Anh Tuấn         | 11/15/2001 | QH-2019-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 238                 | 20050107 | Trần Hoàng Gia Huy    | 07/17/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 244                 | 20050178 | Đào Thu Uyên          | 10/13/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 268                 | 20050566 | Lê Ngọc Anh           | 11/24/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 3 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 269                 | 20050576 | Nguyễn Thị Việt Anh   | 07/26/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 270                 | 20050579 | Tạ Hà Anh             | 10/04/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 271                 | 20050599 | Phan Ngọc Đông        | 12/25/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 272                 | 20050607 | Nguyễn Thị Việt Hà    | 02/12/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 273                 | 20050616 | Đương Mỹ Hoa          | 10/08/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 274                 | 20050619 | Nguyễn Minh Hòa       | 07/13/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 275                 | 20050621 | Nguyễn Bích Hồng      | 04/20/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 276                 | 20050626 | Mao Trọng Hùng        | 09/18/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 277                 | 20050634 | Phạm Hải Hương        | 11/02/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 278                 | 20050646 | Nguyễn Thị Mai Linh   | 10/21/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 279                 | 20050655 | Nguyễn Thị Khánh Ly   | 09/10/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 2 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 280                 | 20050668 | Triệu Thị Bích Ngọc   | 05/24/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 281                 | 20050683 | Vũ Hà Phương          | 12/26/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 282                 | 20050686 | Nguyễn Thị Phương     | 08/26/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 283                 | 20050693 | Vũ Như Quỳnh          | 11/23/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 284                 | 20050699 | Bùi Thanh Thảo        | 08/16/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 285                 | 20050703 | Nguyễn Phương Thảo    | 11/19/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 4 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 286                 | 20050706 | Phạm Thị Phương Thảo  | 12/10/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 3 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 287                 | 20050719 | Lộ Huyền Trang        | 01/14/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 288                 | 20050726 | Phạm Thị Thu Trang    | 10/22/2002 | QH-2020-E KETOAN - CLC 1 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| <b>Khoa Kinh tế</b> |          |                       |            |                                  |          |          |  |
| 100                 | 19050028 | Hoàng Quốc Bảo        | 01/27/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 2 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 101                 | 19050032 | Phạm Ngọc Linh Chi    | 10/13/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 5 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 102                 | 19050061 | Trịnh Hương Giang     | 09/20/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 6 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 103                 | 19050068 | Nguyễn Thanh Hải      | 11/12/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 6 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 104                 | 19050103 | Đào Thanh Hương       | 06/28/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 2 (TT 23)   | 18250000 | 18250000 |  |

|                  |          |                       |            |                                |          |          |  |
|------------------|----------|-----------------------|------------|--------------------------------|----------|----------|--|
| 105              | 19050108 | Nguyễn Ngọc Mai Hương | 03/09/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 106              | 19050118 | Nguyễn Thanh Huyền    | 08/24/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 107              | 19050153 | Trương Thùy Linh      | 09/17/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 108              | 19050159 | Đặng Thị Diệu Ly      | 10/12/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 109              | 19050181 | Vũ Hoàng Nam          | 09/27/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 4 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 110              | 19050188 | Nguyễn Minh Ngọc      | 04/26/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 111              | 19050211 | Tạ Thu Phương         | 04/09/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 112              | 19050213 | Trần Thị Thu Phương   | 09/11/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 113              | 19050220 | Vương Lê Quang        | 08/04/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 114              | 19050227 | Nguyễn Như Quỳnh      | 10/25/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 115              | 19050267 | Đỗ Khánh Toàn         | 12/09/1999 | QH-2019-E KINHTE-CLC 6 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 116              | 19050277 | Vy Thị Huyền Trang    | 03/05/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 117              | 19050290 | Phùng Thu Vân         | 05/16/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 118              | 19050300 | Ngô Gia Hiền          | 04/15/2001 | QH-2019-E KINHTE-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 232              | 20050058 | Trần Lê Chi           | 07/19/2002 | QH-2020-E KINHTE-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 233              | 20050072 | Lê Nam Dũng           | 06/20/2002 | QH-2020-E KINHTE-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 306              | 20050990 | Nguyễn Tuấn Anh       | 08/05/2002 | QH-2020-E KINHTE-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 307              | 20051020 | Đào Đăng Duy          | 04/19/2002 | QH-2020-E KINHTE-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 308              | 20051032 | Lê Hà Minh Đức        | 10/29/2002 | QH-2020-E KINHTE-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 309              | 20051083 | Trần Bảo Lâm          | 07/04/2002 | QH-2020-E KINHTE-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 310              | 20051128 | Nguyễn Chí Phúc       | 09/13/2002 | QH-2020-E KINHTE-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 311              | 20051131 | Đỗ Nguyễn Phương      | 02/27/2002 | QH-2020-E KINHTE-CLC 4 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 312              | 20051155 | Đào Duy Thành         | 10/02/2002 | QH-2020-E KINHTE-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 313              | 20051172 | Ngô Anh Thư           | 12/23/2002 | QH-2020-E KINHTE-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 314              | 20051174 | Trương Mậu Thư        | 07/11/2002 | QH-2020-E KINHTE-CLC 4 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| <b>Khoa KTPT</b> |          |                       |            |                                |          |          |  |
| 315              | 20051205 | Bùi Thị Quỳnh Anh     | 08/30/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 316              | 20051227 | Cao Nguyễn Thùy Chi   | 03/22/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)   | 20125000 | 20125000 |  |
| 317              | 20051231 | Trần Tú Quỳnh Chi     | 09/04/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)   | 23545000 | 23545000 |  |
| 318              | 20051233 | Đỗ Ngọc Diệp          | 12/19/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)   | 19000000 | 19000000 |  |
| 319              | 20051240 | Ngô Đắc Thái Duy      | 05/10/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 320              | 20051245 | Mai Tiến Đạt          | 10/20/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 321              | 20051263 | Bùi Thị Hào           | 06/18/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 322              | 20051275 | Phạm Quang Huy        | 04/22/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 323              | 20051279 | Nguyễn Ngọc Huyền     | 12/19/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 324              | 20051295 | Nguyễn Thị Khánh Linh | 09/12/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 325              | 20051302 | Nguyễn Hữu Lương      | 08/21/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 326              | 20051309 | Nguyễn Hải Nam        | 10/02/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |

|                  |          |                      |            |                              |          |          |  |
|------------------|----------|----------------------|------------|------------------------------|----------|----------|--|
| 327              | 20051314 | Lê Thị Phương Nga    | 02/18/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 328              | 20051329 | Phạm Thị Hồng Nhung  | 09/03/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 16925000 |  |
| 329              | 20051332 | Vũ Văn Phú           | 11/22/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 330              | 20051333 | Nguyễn Hà Phương     | 11/08/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 331              | 20051338 | Giáp Minh Quang      | 11/08/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 332              | 20051339 | Hồ Đức Quang         | 10/12/2001 | QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 333              | 20051341 | Nguyễn Vũ Quang      | 01/18/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 334              | 20051381 | Nguyễn Bảo Trung     | 07/01/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 335              | 20051383 | Vũ Minh Tuấn         | 04/01/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 336              | 20051388 | Nguyễn Thu Vân       | 10/11/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 337              | 20051393 | Lê Thị Hải Yến       | 10/27/2002 | QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| <b>Khoa KTQT</b> |          |                      |            |                              |          |          |  |
| 2                | 17050550 | Bùi Thị Ngọc Anh     | 12/29/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 21780000 | 21780000 |  |
| 3                | 17050556 | Nguyễn Tuấn Anh      | 04/14/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 4                | 17050580 | Nguyễn Thị Việt Hà   | 08/04/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 5                | 17050584 | Vũ Thị Thu Hằng      | 08/01/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 6                | 17050589 | Nguyễn Thị Thu Hiền  | 11/11/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 7                | 17050601 | Vũ Thị Thu Huyền     | 04/03/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 8                | 17050605 | Lê Thu Hường         | 09/30/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 9                | 17050606 | Nguyễn Ngọc Khánh    | 06/29/1998 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 32325000 | 32325000 |  |
| 10               | 17050608 | Nguyễn Thị Hoàng Lan | 10/23/1998 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 11               | 17050620 | Nguyễn Tuấn Minh     | 07/21/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 12               | 17050627 | Vũ Đức Nghĩa         | 03/28/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 22905000 | 22905000 |  |
| 13               | 17050630 | Nguyễn Thị Minh Ngọc | 07/16/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 14               | 17050641 | Khuất Thị Thúy Quỳnh | 10/04/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 15               | 17050643 | Đặng Xuân Thanh      | 12/09/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 16               | 17050646 | Trần Thị Thanh Thúy  | 11/22/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 17               | 17050653 | Đình Hoàng Trung     | 06/19/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 32275000 | 32275000 |  |
| 32               | 18050378 | Đỗ Hoàng Anh         | 08/10/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 33               | 18050416 | Trương Thị Khánh Chi | 10/16/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 21780000 | 21780000 |  |
| 34               | 18050422 | Trần Hoàng Đạt       | 09/06/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 35               | 18050425 | Nguyễn Văn Dư        | 11/18/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 36               | 18050434 | Thái Minh Dũng       | 09/20/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 37               | 18050435 | Đoàn Bình Dương      | 02/21/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 38               | 18050437 | Nguyễn Thùy Dương    | 09/30/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 39               | 18050452 | Lê Thị Hạnh          | 06/23/1998 | QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 20065000 | 20065000 |  |
| 40               | 18050462 | Ngô Minh Hoàng       | 12/21/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 41               | 18050471 | Nguyễn Mai Hương     | 12/03/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 25415000 | 25415000 |  |

|     |          |                       |            |                              |          |          |  |
|-----|----------|-----------------------|------------|------------------------------|----------|----------|--|
| 42  | 18050472 | Nguyễn Thị Hương      | 06/20/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 43  | 18050480 | Trương Cảnh Huy       | 08/18/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 44  | 18050489 | Trương Trần Minh Khôi | 03/08/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 45  | 18050490 | Trần Trung Kiên       | 05/21/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 46  | 18050540 | Nguyễn Đăng Nhật      | 02/22/1999 | QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 47  | 18050546 | Vũ Thị Hồng Nhung     | 12/12/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 48  | 18050548 | Lê Đặng Việt Phú      | 05/20/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 49  | 18050551 | Nguyễn Lan Phương     | 12/02/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 50  | 18050566 | Trịnh Anh Sơn         | 11/23/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 51  | 18050567 | Lê Khánh Tâm          | 11/25/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 52  | 18050571 | Đỗ Thị Hoài Thanh     | 11/26/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 53  | 18050593 | Lê Thị Thùy           | 04/15/1999 | QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 54  | 18050597 | Nguyễn Ngọc Thùy Tiên | 01/23/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 55  | 18050615 | Nguyễn Công Trung     | 09/04/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 56  | 18050625 | Nguyễn Thị Vân        | 04/12/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 57  | 18050628 | Trương Diễm Trang Vi  | 07/10/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 58  | 18050629 | Vi Hải Việt           | 10/20/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 59  | 18050630 | Dương Thị Hồng Vinh   | 03/06/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 60  | 18050631 | Văn Ngọc Vinh         | 12/24/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 99  | 18051133 | Phạm Hoàng Long       | 03/29/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 163 | 19051012 | Lại Quang Anh         | 12/28/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 164 | 19051020 | Nguyễn Thùy Anh       | 01/05/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 165 | 19051031 | Phạm Xuân Ánh         | 10/26/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 21355000 | 21355000 |  |
| 166 | 19051035 | Nguyễn Minh Châu      | 07/29/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23) | 18250000 | 18250000 |  |
| 167 | 19051039 | Mai Thị Linh Chi      | 01/01/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 168 | 19051040 | Nguyễn Thị Phương Chi | 03/13/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 169 | 19051065 | Nguyễn Dương Việt Hà  | 08/15/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 170 | 19051067 | Nguyễn Thị Ngân Hà    | 11/16/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 171 | 19051070 | Lê Thanh Hải          | 04/11/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 172 | 19051072 | Phí Tiến Bắc Hải      | 03/21/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 173 | 19051084 | Bùi Minh Hoàng        | 06/07/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 174 | 19051101 | Phạm Gia Huy          | 05/12/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 175 | 19051115 | Nguyễn Lê Hồng Lam    | 11/11/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 176 | 19051150 | Nguyễn Thị Ngọc Mai   | 03/21/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 177 | 19051153 | Trần Lê Bảo Mi        | 08/29/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 178 | 19051156 | Dương Vũ Quang Minh   | 12/27/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 179 | 19051181 | Lê Phạm Quỳnh Như     | 07/15/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 180 | 19051182 | Bùi Hồng Nhung        | 02/10/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |

|     |          |                      |            |                              |          |          |  |
|-----|----------|----------------------|------------|------------------------------|----------|----------|--|
| 181 | 19051187 | Nguyễn Trọng Phúc    | 08/08/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 182 | 19051190 | Lê Lan Phương        | 06/08/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 183 | 19051194 | Trịnh Như Phương     | 06/26/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 184 | 19051198 | Lê Thị Quỳnh         | 04/12/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 185 | 19051201 | Đào Thị Minh Tâm     | 05/06/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 186 | 19051212 | Nguyễn Phương Thảo   | 12/20/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 187 | 19051236 | Ngô Thị Hà Trang     | 07/06/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 188 | 19051238 | Nguyễn Linh Trang    | 01/13/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 189 | 19051245 | Trần Cao Trí         | 02/22/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 190 | 19051259 | Nguyễn Thượng Vũ     | 10/01/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 20065000 | 20065000 |  |
| 191 | 19051261 | Nguyễn Minh Vương    | 10/14/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 192 | 19051263 | Hoàng Thị Hải Xuân   | 03/08/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 193 | 19051273 | Lại Thu Hương        | 12/29/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 194 | 19051281 | Đinh Hiền Mai        | 05/23/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 195 | 19051303 | Nguyễn Phú Đại       | 01/29/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 27020000 | 25870000 |  |
| 196 | 19051315 | Đặng Thái Hường      | 08/21/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 197 | 19051316 | Phan Thanh Huyền     | 12/01/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 198 | 19051336 | Đỗ Thị Bích Ngọc     | 06/10/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 199 | 19051389 | Nguyễn Văn Phương    | 12/25/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 200 | 19051401 | Đinh Hồng Anh        | 06/19/2001 | QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 229 | 19051700 | Kim Jae Hoon         | 02/06/1995 | QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 230 | 20050001 | Nguyễn Thị Thúy An   | 05/11/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 231 | 20050043 | Lê Phương Anh        | 01/18/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 235 | 20050084 | Tạ Thu Hà            | 10/19/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 237 | 20050104 | Chu Anh Huy          | 09/13/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 240 | 20050111 | Nguyễn Vũ Trung Kiên | 07/28/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 241 | 20050124 | Phùng Quang Linh     | 03/24/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 20125000 | 18975000 |  |
| 242 | 20050156 | Trần Đức Tâm         | 04/21/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 243 | 20050163 | Lưu Ngọc Anh Thư     | 07/22/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 245 | 20050181 | Nguyễn Văn Việt      | 11/09/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 289 | 20050758 | Nguyễn Thị Ngọc Anh  | 08/21/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 290 | 20050765 | Phùng Lê Anh         | 11/26/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 291 | 20050787 | Hoàng Thùy Dung      | 11/08/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 292 | 20050814 | Nguyễn Đức Hải       | 08/15/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 293 | 20050818 | Trần Đình Hạnh       | 02/28/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 12600000 | 12600000 |  |
| 294 | 20050819 | Đỗ Thị Minh Hằng     | 02/05/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 295 | 20050820 | Phạm Thanh Hằng      | 04/02/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 296 | 20050827 | Đương Trung Hiếu     | 04/19/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |

|                  |          |                        |            |                              |          |          |  |
|------------------|----------|------------------------|------------|------------------------------|----------|----------|--|
| 297              | 20050828 | Nguyễn Minh Hiếu       | 10/13/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 298              | 20050843 | Nguyễn Thị Ngọc Huyền  | 02/28/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 299              | 20050855 | Phạm Minh Khoa         | 06/03/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 300              | 20050865 | Nguyễn Khánh Linh      | 10/09/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 301              | 20050884 | Nguyễn Quý Minh        | 11/30/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 302              | 20050900 | Nguyễn Yến Ngọc        | 11/12/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 303              | 20050901 | Trần Châu Ánh Ngọc     | 10/11/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 304              | 20050924 | Nguyễn Thuyền Quyên    | 04/30/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 305              | 20050943 | Nguyễn Thị Phương Thủy | 02/11/2002 | QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| <b>Viện QTKD</b> |          |                        |            |                              |          |          |  |
| 1                | 16051011 | Nguyễn Đức Anh         | 05/28/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17295000 | 17295000 |  |
| 18               | 17050663 | Lê Thị Ngọc Ánh        | 12/15/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 19               | 17050679 | Nguyễn Đức Hùng        | 02/02/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 22960000 | 22960000 |  |
| 20               | 17050680 | Lê Huy                 | 07/29/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 21               | 17050700 | Phạm Công Minh         | 12/07/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 22               | 17050702 | Trần Phùng Hà My       | 05/14/1998 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 23               | 17050719 | Đỗ Phương Thảo         | 09/22/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 13725000 | 13725000 |  |
| 24               | 17050721 | Bùi Mai Thương         | 12/17/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 25               | 17050722 | Phạm Ngọc Thương       | 07/19/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 26               | 17050730 | Đình Anh Tuấn          | 05/08/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 27               | 17050732 | Nguyễn Quang Tuyền     | 10/29/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 61               | 18050653 | Hạng Triệu Đức Anh     | 08/19/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 21835000 | 21835000 |  |
| 62               | 18050654 | Hoàng Thị Ngọc Anh     | 06/07/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 63               | 18050656 | Mai Hoàng Phương Anh   | 08/01/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 15050000 | 15050000 |  |
| 64               | 18050662 | Nguyễn Phương Anh      | 06/01/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 65               | 18050671 | Trần Thị Phương Anh    | 01/20/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 66               | 18050674 | Vũ Thị Quỳnh Anh       | 09/19/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 67               | 18050707 | Phạm Thị Thu Hà        | 02/10/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 68               | 18050718 | Trần Thu Hiền          | 06/14/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 69               | 18050744 | Lục Phạm Khánh Linh    | 09/30/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 18250000 | 18250000 |  |
| 70               | 18050752 | Trịnh Khánh Linh       | 12/04/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 71               | 18050756 | Phạm Kim Long          | 01/10/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 72               | 18050768 | Đoàn Anh Minh          | 01/02/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 73               | 18050776 | Bùi Thị Bích Ngọc      | 03/06/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 74               | 18050799 | Nguyễn Văn Phương      | 07/27/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 75               | 18050812 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 08/18/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 76               | 18050826 | Cao Thùy Tiên          | 09/29/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 77               | 18050834 | Mai Thị Kiều Trang     | 11/06/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 19210000 | 19210000 |  |

|     |          |                        |            |                              |          |          |  |
|-----|----------|------------------------|------------|------------------------------|----------|----------|--|
| 78  | 18050840 | Thiều Thiện Tường      | 08/19/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 201 | 19051404 | Trần Thành An          | 06/01/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 202 | 19051410 | Đào Ngọc Anh           | 11/09/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 203 | 19051426 | Vương Thu Bích         | 10/17/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 204 | 19051443 | Nghiêm Huỳnh Đức       | 05/22/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 205 | 19051453 | Vũ Hồng Dương          | 07/06/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 206 | 19051455 | Đoàn Hương Giang       | 02/20/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23) | 18250000 | 18250000 |  |
| 207 | 19051457 | Phạm Nguyễn Ngân Hà    | 02/15/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 208 | 19051464 | Nguyễn Thị Hiền        | 12/02/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 209 | 19051469 | Hà Minh Hiếu           | 09/28/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 210 | 19051489 | Nguyễn Thị Khánh Huyền | 12/19/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 211 | 19051498 | Đỗ Thị Lan             | 10/04/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 212 | 19051523 | Lê Tuấn Minh           | 03/05/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 213 | 19051526 | Chu Hoàng My           | 02/06/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 214 | 19051529 | Phạm Thị Huyền My      | 06/09/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 215 | 19051552 | Nguyễn Duy Phong       | 05/17/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 216 | 19051556 | Ngô Thị Lan Phương     | 01/08/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 217 | 19051559 | Nguyễn Thị Việt Phương | 08/25/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 218 | 19051562 | Phạm Thị Hoài Phương   | 04/29/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 219 | 19051572 | Phạm Ngọc Quỳnh        | 01/18/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 220 | 19051585 | Phạm Linh Thảo         | 11/21/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 22480000 | 22480000 |  |
| 221 | 19051586 | Trần Thị Phương Thảo   | 09/30/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 222 | 19051610 | Nguyễn Thị Thùy Trang  | 01/03/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 223 | 19051614 | Tạ Ngô Thiên Trang     | 10/27/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 224 | 19051616 | Lưu Đức Trường         | 03/21/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 225 | 19051625 | Trịnh Quang Vinh       | 12/20/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 226 | 19051626 | Nguyễn Long Vũ         | 03/06/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 227 | 19051630 | Nguyễn Thị Hải Yến     | 08/20/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 228 | 19051644 | Nguyễn Ngọc Diệp       | 05/29/2001 | QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 236 | 20050093 | Trần Việt Hoàng        | 12/04/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 239 | 20050109 | Phạm Ngọc Khánh        | 12/30/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 19000000 | 17850000 |  |
| 246 | 20050190 | Nguyễn Thị Bình An     | 08/26/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 247 | 20050209 | Phạm Thị Phương Anh    | 09/12/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 248 | 20050211 | Trần Minh Anh          | 02/04/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 249 | 20050216 | Vũ Ngọc Ánh            | 02/15/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 250 | 20050226 | Triệu Trí Cường        | 11/17/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 251 | 20050247 | Ngô Phú Hải            | 02/20/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 252 | 20050250 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh     | 09/27/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |



|                  |          |                       |            |                              |          |          |  |
|------------------|----------|-----------------------|------------|------------------------------|----------|----------|--|
| 253              | 20050289 | Đông Diệu Linh        | 06/29/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 254              | 20050290 | Đoàn Phương Linh      | 12/01/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 255              | 20050356 | Trần Văn Thắng        | 11/23/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 256              | 20050368 | Văn Thị Trà           | 09/10/2002 | QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| <b>Khoa TCNH</b> |          |                       |            |                              |          |          |  |
| 28               | 17050740 | Đỗ Tiến Đạt           | 04/19/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 29               | 17050744 | Nguyễn Thanh Hằng     | 10/07/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 30               | 17050756 | Trịnh Thị Thanh Phúc  | 02/23/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 25210000 | 25210000 |  |
| 31               | 17050763 | Trương Thị Trang      | 10/29/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 17500000 | 17500000 |  |
| 79               | 18050864 | Trịnh Hữu Việt Anh    | 11/24/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 80               | 18050875 | Trần Phương Chi       | 09/08/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 81               | 18050882 | Trần Công Đức         | 10/09/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 82               | 18050896 | Đỗ Thế Hiệp           | 10/26/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 83               | 18050919 | Nguyễn Thị Thuỳ Linh  | 11/20/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 84               | 18050935 | Trần Phương Nam       | 08/17/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 22480000 | 22480000 |  |
| 85               | 18050936 | Đinh Văn Nga          | 09/24/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 86               | 18050981 | Hoàng Long Tùng Vân   | 09/21/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 119              | 19050604 | Ngô Văn Anh           | 01/03/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 120              | 19050607 | Nguyễn Thị Hải Anh    | 11/19/2000 | QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 121              | 19050628 | Nguyễn Quý Danh       | 02/19/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 122              | 19050637 | Nguyễn Minh Duy       | 08/02/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 123              | 19050653 | Dương Minh Hiếu       | 06/17/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 124              | 19050655 | Nguyễn Đình Hiếu      | 12/15/2000 | QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 18625000 | 18625000 |  |
| 125              | 19050672 | Bùi Văn Kiên          | 06/08/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 126              | 19050676 | Trần Thị Hồng Liên    | 01/21/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 127              | 19050677 | Đỗ Hà Phương Linh     | 08/25/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 128              | 19050704 | Dương Vũ Thanh Ngân   | 02/05/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 129              | 19050705 | Nguyễn Thị Thanh Ngân | 07/11/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 130              | 19050722 | Lưu Thuý Quỳnh        | 08/30/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 131              | 19050724 | Nguyễn Thị Quỳnh      | 10/13/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 132              | 19050727 | Hoàng An Sơn          | 05/21/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 133              | 19050730 | Bùi Thanh Thái        | 11/13/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 134              | 19050747 | Phạm Thùy Tiên        | 07/17/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 135              | 19050748 | Hoàng Công Toàn       | 06/06/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 136              | 19050754 | Nguyễn Quỳnh Trang    | 03/05/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 137              | 19050781 | Nguyễn Đình Tuấn Vũ   | 01/22/2001 | QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 234              | 20050080 | Ngô Vũ Hương Giang    | 12/07/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 16350000 |  |
| 257              | 20050411 | Vũ Minh Châu          | 08/19/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |

|     |          |                     |            |                              |          |          |  |
|-----|----------|---------------------|------------|------------------------------|----------|----------|--|
| 258 | 20050456 | Nguyễn Linh Hương   | 05/12/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 259 | 20050460 | Nguyễn Ngọc Khánh   | 03/24/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 260 | 20050469 | Nguyễn Phương Linh  | 10/08/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 261 | 20050472 | Tăng Diệu Linh      | 07/02/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 262 | 20050485 | Ma Thị Nhật Minh    | 07/14/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 263 | 20050494 | Bùi Thị Hằng Nga    | 11/01/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 264 | 20050518 | Phan Thị Thủy Quỳnh | 11/09/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23) | 19000000 | 19000000 |  |
| 265 | 20050531 | Đặng Thu Trang      | 09/28/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 266 | 20050539 | Trần Thị Thu Trang  | 04/02/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |
| 267 | 20050552 | Trần Long Hà Vi     | 07/01/2002 | QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 17500000 | 17500000 |  |

*Danh sách gồm 337 sinh viên*